

50 - 70% ADR chủ yếu do sai sót trong thực hành y khoa

- Cách dùng: liều, đường, gap, kỹ thuật
- Theo dõi
- Tiền sử
- Tương tác thuốc

Để giảm tỉ lệ ADR:

- cẩn thận, đúng quy trình
- cá thể hóa điều trị
- dược gen học (đắt)
- theo dõi điều trị

Báo cáo ADR

- Báo cáo tự nguyện (most common)
- Báo cáo tự nguyện có chủ đích (đánh tiếng trước)
- Giám sát chủ động

Người viết báo cáo: any NVTY có liên quan đến việc sử dụng thuốc (phải give personal info but sẽ được bảo mật)

Ưu tiên

- ADR nghiêm trọng
- ADR mới
- ADR tần suất lớn
- ADR của thuốc mới

Note

- Mỗi BN 1 báo cáo riêng
- Thuốc điều trị ADR gây ADR thứ phát:
→ +1 báo cáo riêng

Time

- =< 7 days: tử vong hoặc life threatening
- =< 15 days: khác

Phân loại ADR

Phân loại theo hệ cơ quan

Phân loại theo thời gian

(tính từ lần dùng cuối đến khi có triệu chứng đầu)

Phân loại theo mức độ nặng nhẹ

- Nhẹ: không cần làm gì
e.g. thuốc kháng Histamin gây buồn ngủ
- Trung bình: cần thay đổi điều trị (nhưng không cần ngừng thuốc)
nhập viện hoặc kéo dài thời gian nằm viện ít nhất 1 ngày
e.g. NSAID gây loét dạ dày
- Nặng: cần ngừng thuốc, life threatening, di chứng, need ICU
e.g. allopurinol gây HC Steven Johnsons (loét niêm mạc hốc tự nhiên)
- Tử vong (trực tiếp hoặc gián tiếp do ADR)
e.g. thuốc chống đông gây xuất huyết

- Cấp (ít): < 1h
- Bán cấp (đa số): 1h - 1 ngày
- Muộn (ít): 1 ngày - vài tuần

Phân loại theo tính chất dược lý

- Type A: liên quan đến tác dụng dược lý, predictable (phần lớn)
- Type B: nguyên nhân unknown (hiếm)
- Type C (chronic - mạn tính): xảy ra sau thời gian điều trị lâu dài
- Type D (delayed - chậm): xảy ra sau khi ngừng điều trị một thời gian (vit C chảy máu chân răng)
- Type E (end of use - ngừng sử dụng): xảy ra khi ngừng thuốc đột ngột (corticoid suy thượng thận)
- Type F (failure of efficacy - mất hiệu lực): thuốc vô dụng (kháng kháng sinh, ...)
- Type G (gene): liên quan đến di truyền

Phân loại theo tần suất

	A	B
predictable?	v	x
depend on dose?	v	x
common?	high	low
lethal rate?	low	high
what to do?	điều chỉnh liều	ngừng thuốc

Rất thường gặp	≥ 1/10
Thường gặp	< 1/10 nhưng ≥ 1/100
Ít gặp	< 1/100 nhưng ≥ 1/1000
Hiếm gặp	< 1/1000 nhưng ≥ 1/10 000
Rất hiếm gặp	< 1/10 000